

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2023.

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Mai Thị Bỉ.
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 99/2023/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số xx, Ấp x, xã T, huyện T, tỉnh L. Có đơn đề nghị vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Thành N, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số xx, Ấp x, xã T, huyện T, tỉnh L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T có đơn đề nghị vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện ngày 05/5/20xx và trong quá trình tố tụng có nội dung như sau: Do quen biết, bà và ông Lê Thành N sống chung năm 20xx, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh L ngày 10/6/20xx. Sau khi cưới, vợ chồng sống ở nhà trọ một thời gian rồi về sống chung cùng gia đình ông N. Khoảng năm 2013 vợ chồng cất nhà sinh sống riêng. Khoảng năm 2017,

vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông N không lo làm ăn và có mối quan hệ bất chính với người khác. Vợ chồng ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông N.

Nuôi con chung: Bà và ông N có 02 con chung tên Lê Trung Đ, sinh ngày 08/10/20xx và Lê Đức T, sinh ngày 10/8/20xx. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi con chung tên Lê Đức T. Ông Nhân nuôi con tên Lê Trung Đ. Không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn ông Lê Thành N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Lê Thành N; hiện ông N đang sinh sống tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng vợ chồng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T và ông N cắt đứt quan hệ tình cảm vợ chồng từ năm 2021 cho đến nay. Xét, hôn nhân giữa bà T và ông N có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/6/20xx, đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự các văn bản tố tụng của tòa án cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này chứng minh bị đơn không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà T có cơ sở chấp nhận.

[4] Nuôi con chung: Bà T và ông N có con chung tên Lê Trung Đ, sinh ngày 08/10/20xx và Lê Đức T1, sinh ngày 10/8/20xx. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu nuôi con chung tên Lê Đức T1, giao cho ông Nhân nuôi con tên Lê Trung Đ. Tại bản tự khai cháu Đ có nguyện vọng sống chung với cha còn cháu T1 có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu Đ, cháu T1 theo quy tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Lê Trung Đ, sinh ngày 08/10/20xx cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Lê Đức T1, sinh ngày 10/8/20xx cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do ông N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên vấn đề cấp dưỡng nuôi con không thể xác định trong vụ án này, nếu có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông N được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Chia tài sản, nghĩa vụ trả nợ: Do ông N cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Bà T xác định không yêu cầu giải quyết tài sản chung, không có nợ chung. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với ông Lê Thành N.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu T và ông Lê Thành N.

Nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Trung Đ, sinh ngày 08/10/20xx cho ông Lê Thành N trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Lê Đức T1, sinh

ngày 10/8/20xx cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Lê Thành N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004852 ngày 21/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Tân Trụ.
- THA DS huyện Tân Trụ.
- UBND xã T, huyện Tân Trụ, Long An;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa